

PHỤ LỤC 6
DANH MỤC VĂN BẢN CÓ NỘI DUNG KHÔNG BẢO ĐẢM TÍNH KHẢ THI
(Kèm theo Báo cáo số 64/BC-BTP ngày 18/03/2015 của Bộ Tư pháp)

| Lĩnh vực | Tên văn bản | Quy định không bảo đảm tính khả thi | Lý do không bảo đảm tính khả thi | Ghi chú |
|---------------------------|---|--|---|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| Tài nguyên, Môi trường | 1. Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 | Khoản 5, Khoản 6 Điều 7; Điều 24; điểm c, khoản 1 Điều 37; Điều 83 các quy định này yêu cầu tất cả các cơ sở phải áp dụng các biện pháp nhằm bảo đảm việc xả khí thải, nước thải phải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường | Trên thực tế những cơ sở quy mô nhỏ, hộ gia đình nằm rải rác trong các khu dân cư không có khả năng xử lý môi trường theo quy định của pháp luật. Nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ có thiện chí cải thiện môi trường sản xuất nhưng không có khả năng về kinh tế nên việc yêu cầu các cơ sở này lập bản cam kết bảo vệ môi trường và cam kết xử lý chất thải (bao gồm cả khí thải và nước thải) đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định là khó thực hiện đối với cơ sở; việc này cũng gây khó khăn cho các cơ quan chức năng quản lý nhà nước (UBND cấp huyện) trong quá trình xác nhận và kiểm tra, giám sát việc tuân thủ những quy định về cam kết bảo vệ môi trường. | |
| | 2. Nghị định số 35/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường | Điều 1 quy định "Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (gọi chung là cơ sở) đến thời điểm ngày 05/6/2011 đã đi vào hoạt động nhưng không có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung, giấy đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, ngoài việc bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật, trước ngày 31/12/2014 phải lập Đề án bảo vệ môi trường và trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định | Với thời gian chỉ có 06 tháng, thời gian kể từ ngày Nghị định có hiệu lực là 15/6/2014 đến 30/12/2014 là khoảng thời gian quá ngắn để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định vì số lượng đề án bảo vệ môi trường là rất nhiều. Bên cạnh đó, các đối tượng phải lập đề án bảo vệ môi trường đã đi vào hoạt động sau ngày 05/6/2011 đến ngày 15/6/2014 (ngày Nghị định có hiệu lực) thì không có quy định làm Đề án bảo vệ môi trường | |
| | 3. Nghị định 179/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường | Quy định về hành vi không có thủ tục môi trường, thực hiện quan trắc môi trường Quy định về cưỡng chế đình chỉ hoạt động hoặc cấm hoạt động Quy định về tịch thu tang vật, phương tiện | Mức phạt cao so với các doanh nghiệp vừa và nhỏ Giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì rất khó thực hiện Không có kho lưu giữ, bảo quản chờ xử lý | |

| Lĩnh vực | Tên văn bản | Quy định không bảo đảm tính khả thi | Lý do không bảo đảm tính khả thi | Ghi chú |
|---------------------------|--|---|---|---------|
| Tài nguyên, Môi trường | 4. Nghị định 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước, khoáng sản | quy định về xác định khối lượng khoáng sản đã bị khai thác để xác định mức phạt (khoản 1 Điều 37) | Việc xác định khối lượng gặp khó khăn vì khi hành vi được phát hiện và ngăn chặn thì việc tính khối lượng khai thác trong ngày là rất khó thực hiện | |
| | 5. Nghị định 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng | quy định về mức chi trả dịch vụ môi trường rừng (Khoản 1, 2 Điều 11) | Điều 11 khoản 1, 2 Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) đối với các cơ sở DVMTR thấp, là số cố định. | |
| | 6. Thông tư 26/2011/TT-BTNMT quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường | quy định về nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường (điểm a khoản 2 Điều 46) | Nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường rất phức tạp, bản thân cơ sở kinh doanh không thể tự làm; đồng thời chưa có dịch vụ công giúp người dân lập bản cam kết mà phải thuê các đơn vị, tổ chức tư vấn tư nhân, gây phiền toái, lãng phí, chậm trễ, chưa thống nhất về giá cả, người dân bị các đơn vị tư vấn lợi dụng nâng cao chi phí thực hiện | |
| | 7. Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính | Khoản 1, 2 Điều 6 | Đề nghị tăng mức dự kiến lên 10% tiền dịch vụ môi trường rừng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của năm báo cáo, nhằm chủ động hơn trong tình huống xảy ra thiên tai khô hạn | |
| | 8. TTLT số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng | điểm a khoản 3 Điều 3 và điểm 3 khoản 2 Điều 1 điểm đ khoản 2 Điều 7 điểm d khoản 3 Điều 5 điểm d khoản 2 Điều 3 | | |

| Lĩnh vực | Tên văn bản | Quy định không bảo đảm tính khả thi | Lý do không bảo đảm tính khả thi | Ghi chú |
|-------------------|--|--|---|---------|
| Hành chính | 9. Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính | Điều 18 quy định “Chỉ được kê biên tài sản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế tương ứng với số tiền đã ghi trong quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế” | Nếu rơi vào trường hợp số tiền kê biên tài sản thấp hơn số tiền xử phạt thì cơ quan xử phạt có ban hành quyết định cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản không, nếu không ban hành quyết định cưỡng chế thì việc xử phạt không khả thi. | |
| An toàn thực phẩm | 10. Luật An toàn thực phẩm | Khoản 3 Điều 22: “ UBND cấp tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương, quy định cụ thể điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ đối với thực phẩm đặc thù trên địa bàn tỉnh | Chưa có hướng dẫn quy định Sở, ngành nào thực hiện nhiệm vụ tham mưu ban hành quy chuẩn địa phương | |
| | | Điểm b khoản 1 Điều 34: "Cơ sở được cấp GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP khi có đăng ký ngành, nghề kinh doanh trong GCNĐKKD" | Các đối tượng cung cấp dịch vụ ăn uống như Bếp ăn tập thể của doanh nghiệp, bệnh viện, trường học sẽ không được cấp phép | |
| | 11. Nghị định 178/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm | Khoản 1 Điều 34 quy định xử phạt đối với hành vi kinh doanh dịch vụ ăn uống vi phạm về giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của xã | Các quầy bán hàng rong, kinh doanh thức ăn đường phố là loại hình kinh doanh không cố định nên không thể cấp GCN cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm | |
| | 12. Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm | Tại điểm m, khoản 2, Điều 20 quy định điều kiện an toàn thực phẩm đối với bếp ăn tập thể, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống | Việc không quy định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm làm cho đối tượng kinh doanh dịch vụ ăn uống không có cơ sở để chứng minh được việc thực hiện đúng theo quy định về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm; đồng thời hoạt động thanh tra, kiểm tra của các ngành chức năng có cơ sở để xử phạt khi xảy ra vi phạm | |
| | 13. Thông tư 30/2012/TT-BYT Quy định về điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố | Quy định nước dùng để nấu nướng, pha chế đồ uống, đá uống phải phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số 01:2009/BYT; nước dùng sơ chế nguyên liệu, vệ sinh dụng cụ, rửa tay phải phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số 02:2009/BYT | Quá nhiều chỉ tiêu cần phải xét nghiệm gây tốn kém thời gian cho cả đơn vị thực hiện kiểm tra và đối tượng được kiểm tra | |

| Lĩnh vực | Tên văn bản | Quy định không bảo đảm tính khả thi | Lý do không bảo đảm tính khả thi | Ghi chú | |
|--|--|---|---|---------|--|
| An toàn thực phẩm | | Quy định chứng minh nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu, phụ gia, thực phẩm bao gói sẵn của người kinh doanh thức ăn đường phố | Rất khó thực hiện vì đối tượng thường mua, bán ở các chợ xã, huyện hoặc các chợ tự phát nên không có hóa đơn, chứng từ | | |
| | | Người bán hàng phải mang trang phục sạch sẽ và gọn gàng tiếp xúc trực tiếp với đồ ăn, thức uống phải dùng găng tay sử dụng 1 lần; người kinh doanh thức ăn đường phố phải khám sức khỏe tại các cơ quan y tế cấp huyện trở lên rất khó triển khai thực hiện | | | |
| | 14. Thông tư số 29/2012/TT-BCT quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương | Đối tượng không phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm gồm kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn không yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt theo quy định. | | | |
| | | | Thiếu nhiều quy định chi tiết, cụ thể hoặc chưa phù hợp với nhiều loại hình hoạt động, sản xuất, kinh doanh thực phẩm gây khó khăn khi triển khai thực hiện Thông tư số 29/2012/TT-BCT, đối tượng không phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm gồm kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn không yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt theo quy định, nhưng chưa có quy định chi tiết Danh mục thực phẩm bao gói sẵn nào không yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt. | | |
| 15. Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản | | Quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản. | Tại Khoản 1, Điều 2 quy định: “Đánh giá cơ sở để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm thì cơ sở phải có giấy phép đăng ký kinh doanh”. Trên thực tế thì còn rất nhiều cơ sở sản xuất chưa đăng ký kinh doanh. | | |
| | | Quy định về đối tượng áp dụng (Điều 2) | Các cấp chính quyền chỉ quản lý, kiểm tra các cơ sở có đăng ký kinh doanh nhưng rất nhiều trường hợp rau, củ, quả được bày bán tràn lan trên thị trường bởi các cá nhân không có đăng ký kinh doanh, gây khó khăn cho cơ quan quản lý về ATTP của cả cấp huyện, cấp tỉnh | | |

| Lĩnh vực | Tên văn bản | Quy định không bảo đảm tính khả thi | Lý do không bảo đảm tính khả thi | Ghi chú |
|-------------------|---|--|---|---------|
| An toàn thực phẩm | 16. Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. | Theo khoản 4, Điều 3 quy định: “Đối với cơ sở sản xuất nhiều loại thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương thì Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý”. | Trong trường hợp cơ sở vừa sản xuất rau và sơ chế rau, củ, quả thì cơ sở này thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý. Tuy nhiên, khi kiểm tra đánh giá để cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thì không có biểu mẫu kiểm tra đánh giá để áp dụng cho cơ sở này. | |
| | 17. Thông tư số 29/2012/TT-BCT ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương | Theo quy định tại điểm a, điểm b, Khoản 1, Điều 2 Thông tư số 29/2012/TT-BCT ngày 05/10/2012 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương quy định “Cơ sở chỉ có 02 lao động trở xuống trực tiếp tham gia sản xuất, kinh doanh thực phẩm thì không phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP” | Từ những quy định trên mà một số cơ sở cố tình né tránh việc xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, bằng cách chỉ khai cơ sở có 02 lao động thực hiện sản xuất, kinh doanh nhưng trong quá trình kiểm tra thực tế thì số lượng lao động nhiều hơn so với đơn khai báo. | |
| Nông nghiệp | 18. Nghị định số 119/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi | Điểm a Khoản 4 Điều 33 của Nghị định số 119/2013/NĐ-CP, quy định “Hàm lượng từ 90 % đến dưới 95% phạt từ 10-15% giá trị lô hàng vi phạm” | Mức phạt thấp không đủ sức răn đe, nên các tổ chức, cá nhân còn vi phạm | |
| | 19. Nghị định 103/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2013 xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản | Không quy định cụ thể người lái tàu, vận hành máy tàu phải có văn bằng, chứng chỉ thuyền, máy trưởng mà chỉ quy định văn bằng, chứng chỉ thuyền viên tàu cá và thực tế cũng chưa có quy định đào tạo và cấp các văn bằng này. | Gây khó khăn trong xác định lỗi khi phát hiện vi phạm. | |

| Lĩnh vực | Tên văn bản | Quy định không bảo đảm tính khả thi | Lý do không bảo đảm tính khả thi | Ghi chú |
|--------------------------------|---|--|--|---------|
| Nông nghiệp | 20. Thông tư số 89/2011/TT-BNNPTNT quy định Danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trong năm | Quy định trong văn bản | Không có chính sách để hỗ trợ người dân trong thời gian cấm, lực lượng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát mỏng không thực hiện được thường xuyên dẫn đến các quy định của văn bản chưa được tổ chức thực hiện hiệu quả | |
| Thương mại, đăng ký kinh doanh | 21. Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | Điểm a Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP, quy định “Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng trong trường hợp hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật có giá trị dưới 1.000.000” | Mức phạt thấp không đủ sức răn đe các tổ chức, cá nhân vi phạm | |
| | 22. Nghị định 107/2009/NĐ-CP về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng | Quy định về điều kiện đối với cửa hàng kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng | Tại các xã khó khăn, một số cửa hàng kinh doanh rất khó khăn trong việc đáp ứng được yêu cầu về cơ sở vật chất, kết cấu xây dựng, bậc chịu lửa của cửa hàng | |
| | 23. Nghị định 94/2012/NĐ-CP về sản xuất, kinh doanh rượu | Sản xuất rượu thủ công phải có Giấy phép sản xuất rượu, có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công; đảm bảo các điều kiện về môi trường, chất lượng, ATTP, nhãn hàng hóa sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành | Các cơ sở sản xuất rượu thủ công chủ yếu là sản xuất nhỏ lẻ, kết hợp lấy phụ phẩm chăn nuôi, sản lượng ít, theo phương thức tự sản xuất, tự tiêu thụ, quy trình nấu rượu truyền thống nên việc cấp phép, kiểm tra, xử lý gặp nhiều khó khăn, bất cập | |
| | 24. Nghị định 43/2010/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp | Hướng dẫn đăng ký hộ kinh doanh | Cơ quan cấp phép không thể biết được hộ đó đã đăng ký nơi nào hay chưa nếu họ cố tình lách luật | |

| Lĩnh vực | Tên văn bản | Quy định không bảo đảm tính khả thi | Lý do không bảo đảm tính khả thi | Ghi chú |
|--------------------------------|--|--|--|---------|
| Thương mại, đăng ký kinh doanh | 25. Thông tư số 26/2012/TT-BKHCHN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường | Điểm d Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2012/TT-BKHCHN quy định: “Trường hợp không nhất trí với kết quả thử nghiệm mẫu, trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thử nghiệm mẫu không đạt yêu cầu chất lượng, người bán hàng có thể đề nghị bằng văn bản đối với cơ quan kiểm tra thử nghiệm lại đối với mẫu lưu ở một tổ chức thử nghiệm được chỉ định khác. Kết quả thử nghiệm này là căn cứ để cơ quan kiểm tra xử lý, kết luận cuối cùng. Chi phí thử nghiệm mẫu này do người bán hàng chi trả”. | Quy định như vậy tuy nhiên, có những trường hợp kết quả phân tích lần thứ nhất là giả nhưng lần thứ hai thì lại đạt hoặc cao hơn quy định. Chưa phù hợp với thực tế. | |
| | 26. Thông tư 10/2010/TT-BKHĐT quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu | Hướng dẫn đăng ký hộ kinh doanh | Cơ quan cấp phép không thể biết được hộ đó đã đăng ký nơi nào hay chưa nếu họ cố tình lách luật | |
| Lao động | 27. Thông tư số 27/2013/TT-BLĐTBXH ngày 18/10/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động | Thông tư số 27/2013/TT-BLĐTBXH chưa phù hợp với thực tế, thiếu vắng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chủ doanh nghiệp mà Luật Doanh nghiệp đã quy định. | Việc huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động cho các đối tượng thuộc nhóm 1 (người làm công tác quản lý), nhóm 2 (người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động), nhóm 3 (người làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động) phải do các tổ chức hoạt động dịch vụ huấn luyện đủ điều kiện thực hiện nhưng hiện nay, trên địa bàn cả nước có rất ít tổ chức này. Trang thiết bị cũng như dây chuyền sản xuất của mỗi đơn vị một khác nhau và phong phú đa dạng, người lao động cần phải được huấn luyện An toàn lao động, Vệ sinh lao động phù hợp với đặc tính thiết bị và dây chuyền sản xuất nơi họ làm việc. Tuy nhiên chính các đơn vị này không thỏa mãn được yêu cầu của Thông tư 27/2013/TT-BLĐTBXH. | |

| Lĩnh vực | Tên văn bản | Quy định không bảo đảm tính khả thi | Lý do không bảo đảm tính khả thi | Ghi chú |
|----------|---|---|---|---------|
| Lao động | 28. Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động | Tiết e, g, Điểm 4.1, Khoản 4 Mục II, phần thứ nhất hai mươi một (21) tiêu chuẩn vệ sinh lao động, quy định kho xăng dầu; trạm bán xăng có khoảng cách tối thiểu đến khu dân cư là 100m. Tiết c, f, Điểm 4.5.2, Khoản 4 Mục II, quy định sản xuất vật liệu xây dựng (đá, cát, sỏi); sản xuất bê tông atfan có khoảng cách tối thiểu đến khu dân cư là 500m. Tiết b, g, Điểm 4.6.3, Khoản 4, Mục II, quy định nhà máy cưa gỗ, gỗ dán và đồ gỗ, sản xuất đồ gỗ, đóng hòm, gỗ lát sàn có khoảng cách tối thiểu đến khu dân cư là 100m | Quy định khoảng cách tối thiểu từ cơ sở sản xuất đến khu dân cư có khoảng cách không hợp lý, thực tế quy định này chưa được các cơ sở thực hiện theo đúng khoảng cách theo quy định của Trung ương. | |
| | 29. Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 03/06/2014 hướng dẫn chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình đối với người có công với cách mạng và thân nhân | Khoản 4 Điều 17 quy định về đối tượng được chi tiền hỗ trợ đi lại, tiền ăn đi thăm viếng mộ liệt sỹ gồm "thân nhân liệt sỹ (không quá 03 người) hoặc người thờ cúng liệt sỹ" | Trên thực tế nhiều trường hợp thân nhân của liệt sỹ không đủ khỏe để đi thăm viếng mộ liệt sỹ nhưng pháp luật lại không quy định họ được ủy quyền cho người khác, điều đó gây thiệt thòi và bức xúc cho đối tượng khi người thân (anh, chị, em ruột của liệt sỹ...) muốn đi thăm viếng mộ liệt sỹ | |
| | | Khoản 1 Điều 9 quy định chế độ hỗ trợ khi đi làm phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng | Quy định về sự chênh lệch về khoảng cách lớn nhưng số tiền được thanh toán không chênh lệch nhau nhiều và chưa tính đến yếu tố địa hình như đồng bằng hoặc miền núi, quy định như vậy dẫn đến việc thiếu công bằng trong thụ hưởng chế độ ưu đãi của nhà nước | |

| Lĩnh vực | Tên văn bản | Quy định không bảo đảm tính khả thi | Lý do không bảo đảm tính khả thi | Ghi chú |
|--------------------------|--|--|--|---------|
| Lao động | 30. Thông tư liên tịch số 41/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 18/11/2013 hướng dẫn khám giám định bệnh, tật dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm chất độc hóa học | | Trong quá trình thẩm định hồ sơ xác nhận người có công như: cựu thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến, cựu dân công hỏa tuyến phục vụ các chiến trường bị thương hoặc bị phơi nhiễm chất độc hóa học... do thời gian chiến tranh kết thúc đã lâu nên một số đối tượng không còn lưu giữ được giấy tờ gốc, bên cạnh đó một số đơn vị trong thời kỳ chiến tranh trước đây đã giải thể (trong khi văn bản của nhà nước lại quy định phải có các giấy tờ chứng minh vùng hoạt động hoặc đơn vị tham gia) nên rất khó khăn trong việc xác định đối tượng vì thế họ chưa được giải quyết chế độ | |
| Xây dựng | 31. Nghị định 64/2012/NĐ-CP về cấp giấy phép xây dựng | Hồ sơ đề nghị cấp phép | Tốn thời gian, tiền bạc của người dân vì phải đi thuê | |
| | 32. Quyết định số 45/2013/QĐ-UBND ngày 17/12/2013 của UBND tỉnh An Giang về việc sửa đổi một số nội dung Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND ngày 26/7/2013 quy định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang | Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang hủy bỏ Quyết định số 45/2013/QĐ-UBND và bãi bỏ nội dung nêu tại Điểm g, Khoản 1, Điều 21 Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND ngày 26/7/2013 của UBND tỉnh An Giang | Việc ban hành Quyết định số 45/2013/QĐ-UBND chưa đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản QPPL theo Luật định | |
| Xử lý vi phạm hành chính | 33. Luật Xử lý VPHC 2012 | Quy định về thời gian tạm giữ tang vật (khoản 3 Điều 60) | Thời gian tạm giữ tang vật không quá 24 giờ, kể từ thời điểm ra quyết định tạm giữ và chỉ có thể kéo dài thêm tối đa không quá 24 giờ trong trường hợp thật cần thiết, nên Hội đồng định giá cũng phải được thành lập trong thời gian tạm giữ tang vật này. Trong khi đó, Hội đồng định giá gồm người ra quyết định tạm giữ tang vật vi phạm hành chính, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan. Do đó, việc thực hiện quy định này gặp nhiều khó khăn | |

| Lĩnh vực | Tên văn bản | Quy định không bảo đảm tính khả thi | Lý do không bảo đảm tính khả thi | Ghi chú |
|--------------------------|---|--|--|---------|
| Xử lý vi phạm hành chính | 33. Luật Xử lý VPHC 2012 | Quy định về gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành (Điều 70) | Quy định này rất khó để thực hiện bởi thời gian qua, đa số người vi phạm có hộ khẩu thường trú ở ngoài tỉnh, vùng sâu, vùng xa; một số người vi phạm không có địa chỉ, nơi cư trú rõ ràng; phương tiện hành trình trên sông nước nhiều ngày nên người vi phạm thường không có mặt tại nơi đăng ký thường trú | |
| | | | Việc ra quyết định xử phạt phần lớn phải chờ người vi phạm đến để xuất trình các giấy tờ có liên quan dẫn đến chưa ra quyết định xử phạt để gửi qua đường bưu điện | |
| | | khoản 2 Điều 58 quy định "Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến" | Chưa phù hợp với đặc thù tuần tra, kiểm soát an ninh, trật tự vào ban đêm | |
| | | Quy định thời hạn ra quyết định xử lý vi phạm hành chính (Điều 66) | Quy định thời hạn ra quyết định là 7 ngày kể từ ngày lập biên bản hành chính. Nếu trùng vào ngày nghỉ thì cơ quan chuyên môn tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh, cấp huyện ra quyết định xử phạt sẽ gặp khó khăn, không đảm bảo thời gian. Luật cho phép gia hạn 30 ngày đối với vụ việc phức tạp nhưng lại chưa quy định thể nào là phức tạp nên rất khó áp dụng trong thực tiễn | |
| | | Một số quy định về thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong công an nhân dân | quy định về thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của Giám đốc công an tỉnh, trưởng công an huyện, trưởng công an xã | |
| | Thời gian ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính (tối đa là 07 ngày, kể cả ngày nghỉ) | Thời gian này không đủ để hoàn thành thủ tục theo quy định, nhất là đối với trường hợp cần xác minh, giám định về nguồn gốc xuất xứ chất lượng, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định | | |

| Lĩnh vực | Tên văn bản | Quy định không bảo đảm tính khả thi | Lý do không bảo đảm tính khả thi | Ghi chú |
|--------------------------|---|---|--|---------|
| Xử lý vi phạm hành chính | | Quy định về tạm giữ người theo thủ tục hành chính | Thực tế trong Luật chỉ quy định về 02 trường hợp cần tạm giữ là trường hợp cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác, tuy nhiên chưa phù hợp vì thực tế khi thực hiện nhiệm vụ, lực lượng công an cần tạm giữ người trong trường hợp khác để ngăn chặn người vi phạm có hành vi bỏ trốn, tiêu hủy chứng cứ như: buôn bán hàng cấm, đánh bạc, trộm cắp tài sản, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác... | |
| | | Việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính | Thiếu chế tài xử lý trong trường hợp người vi phạm cố tình trì hoãn việc thi hành, không có điều kiện thi hành | |
| | 34. Nghị định 81/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính | Trình tự, thủ tục thực hiện cưỡng chế quyết định hành chính liên quan đến một số lĩnh vực | Không có hướng dẫn chi tiết về trình tự, thủ tục thực hiện cưỡng chế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và an toàn giao thông đường bộ. Vì vậy, khó tổ chức thực hiện trên thực tế | |
| | | Hệ thống biểu mẫu xử lý vi phạm hành chính | Hệ thống biểu mẫu được dùng chung trong tất cả các lĩnh vực, chưa cụ thể hóa trên từng lĩnh vực cụ thể, các đơn vị phải chỉnh sửa, kết hợp giữa biểu mẫu cũ và biểu mẫu mới cho phù hợp và tự in biểu mẫu nên khó quản lý. Một số biểu mẫu có nhiều mục không phù hợp với việc lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt. Một số biểu mẫu quá dài không phù hợp với cán bộ, chiến sỹ thực thi nhiệm vụ tại hiện trường. | |

| Lĩnh vực | Tên văn bản | Quy định không bảo đảm tính khả thi | Lý do không bảo đảm tính khả thi | Ghi chú |
|----------------------------|--|---|---|---------|
| Xử lý vi phạm hành chính | 35. Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định về quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh An Giang. | Kiến nghị UBND tỉnh An Giang ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 của UBND tỉnh An Giang | Việc ban hành Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND chưa đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản QPPL theo Luật ban hành văn bản QPPL của HĐND và UBND | |
| Giao thông | 36. Nghị định 171/2013/NĐ-CP xử phạt VPHC trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt | điểm d khoản 1 và điểm e khoản 3 Điều 5 | điểm c khoản 1 Điều 3 Thông tư số 14/2014/TT-BTP | |
| | | Quy định về mức phạt | Mức phạt cao dẫn đến việc chưa chấp hành quyết định xử phạt còn nhiều | |
| Văn hóa, Thể thao, Du lịch | 37. Luật Quảng cáo 2012 | Quy định về việc bỏ giấy phép thực hiện quảng cáo | Tại một số địa phương doanh nghiệp lợi dụng quy định này để thực hiện quảng cáo tầm nhỏ không có giấy phép | |
| | | Quy định về thời hạn treo băng rôn (khoản 4 Điều 27) | Khoản 4 Điều 27 Luật Quảng cáo quy định "Thời hạn treo băng rôn không quá 15 ngày" trong khi Khoản 2 Điều này chỉ quy định: "Các sản phẩm quảng cáo trên băng quảng cáo, băng rôn phải ghi rõ tên, địa chỉ của người thực hiện" mà không quy định rõ phải ghi thông tin quảng cáo từ ngày nào đến ngày nào, do đó khâu hậu kiểm mất nhiều thời gian, công sức để kiểm tra. | |
| | | Quy định về hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo (khoản 6 Điều 29) | Luật Quảng cáo quy định trong hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên băng quảng cáo, băng rôn phải có "Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng băng quảng cáo; quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa điểm quảng cáo đối với băng-rôn" gây khó khăn trong việc thực hiện và kiểm tra, thực thi pháp luật trong thực tế, chỉ phù hợp đối với băng quảng cáo tầm lớn | |

| Lĩnh vực | Tên văn bản | Quy định không bảo đảm tính khả thi | Lý do không bảo đảm tính khả thi | Ghi chú | |
|--|-------------------------|---|--|---------|--|
| Văn hóa, Thể thao, Du lịch | 37. Luật Quảng cáo 2012 | Về thời hạn nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo tới Sở VH TTDL cấp tỉnh | Chỉ phù hợp với quảng cáo tấm lớn, không phù hợp với quảng cáo băng rôn và quảng cáo khác. Mặt khác, cần tách các sản phẩm quảng cáo và phân cấp quản lý cho các Phòng VH TT quận, huyện quản lý nhận thông báo sản phẩm quảng cáo khác. | | |
| | | Quy định về thời hạn quảng cáo | Luật Quảng cáo quy định thời hạn thông báo trước 15 ngày cho các loại quảng cáo là chưa hợp lý, chỉ phù hợp với quảng cáo tấm lớn, với băng rôn là thiếu thực tế. Nên tách ra cho phù hợp. Hầu hết các biển hiệu đều có kèm theo nội dung quảng cáo, trong khi Luật Quảng cáo không quy định cụ thể vấn đề này. | | |
| | 38. Luật Du lịch 2011 | Điều 4 | Nhiều khái niệm, thuật ngữ không còn chính xác, không phù hợp với thực tế cũng như thông lệ quốc tế | | |
| | | Quy định về sự tham gia của cộng đồng dân cư trong phát triển du lịch (Điều 7); | | | |
| | | Các điều kiện để được công nhận là khu du lịch (Điều 23); | | | |
| | | Quy định về đô thị du lịch (mục 2 chương IV); | | | |
| | | Quy định về ngành, nghề kinh doanh du lịch (Điều 38); | | | |
| Quy định về điều kiện kinh doanh lữ hành nội địa (Điều 44); | | | | | |
| Quy định về các loại cơ sở lưu trú du lịch (Điều 62) hay điều kiện cấp thẻ hướng dẫn viên quốc tế (khoản 3 Điều 73)... | | | | | |

| Lĩnh vực | Tên văn bản | Quy định không bảo đảm tính khả thi | Lý do không bảo đảm tính khả thi | Ghi chú |
|---|---|--|--|---------|
| Văn hóa, Thể thao, Du lịch | 38. Luật Du lịch 2011 | Quy định tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch | Quy định này đòi hỏi các cơ sở lưu trú du lịch từ 1 sao đến 2 sao phải có nhà hàng là không phù hợp với thực tế. Trong điều kiện hiện nay, ở nhiều điểm tham quan du lịch có nhiều cửa hàng mua sắm và nhà hàng ẩm thực chuyên kinh doanh nhà hàng có quy mô lớn với những thực đơn đa dạng, phong phú có thể đáp ứng đầy đủ những nhu cầu thưởng thức về ẩm thực của du khách. Vì vậy, chỉ cần đưa điều kiện "có nhà hàng" vào tiêu chí khuyến khích, tránh gây phiền hà khi xin cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm với loại hình này. | |
| | | Các quy định về tiêu chí công nhận khu, điểm, đô thị du lịch | chưa phù hợp với thực tiễn, khó thực hiện, đặc biệt là quy định về tiêu chí không gian của Khu du lịch quốc gia; chưa có tiêu chí khu du lịch sinh thái. | |
| | 39. Thông tư 12/2012/TT-BVHTTDL quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao (khoản 11 Điều 2) | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao (khoản 11 Điều 2) | Quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao (bóng đá mini) phải là doanh nghiệp. Nhưng trên thực tế địa bàn tỉnh chủ yếu là hộ kinh doanh cá thể | |
| | 40. TTLT số 94/2006/TTLT-BVHTTDL-BNV-BTC hướng dẫn Quyết định số 180/2006/QĐ-TTg ngày 09/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề và bồi dưỡng đối với lao động nghệ thuật biểu diễn ngành văn hóa - thông tin | Quy định về định mức chi | Không còn phù hợp với tình hình thực tế, đời sống hiện tại của nghệ sỹ, diễn viên | |
| 41. TTLT số 104/2007/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/8/2007 hướng dẫn một số nội dung chi, mức chi cho công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ nguồn ngân sách Nhà nước | Quy định về định mức chi | Không còn phù hợp với tình hình thực tế | | |

| Lĩnh vực | Tên văn bản | Quy định không bảo đảm tính khả thi | Lý do không bảo đảm tính khả thi | Ghi chú |
|-------------|--|---|--|---------|
| | 42. Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL ngày 28/12/2012 quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích | Quy định về việc thẩm định thiết kế tu bổ di tích phải có ý kiến thỏa thuận của Cục Di sản văn hóa, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhưng không quy định phải có ý kiến của chính quyền địa phương nơi có di tích | Trên thực tế rất cần ý kiến của chính quyền địa phương để nâng cao hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng, trùng tu di tích vì liên quan đến đất đai, môi trường, tôn giáo, văn hóa, mục đích cộng đồng. | |
| | 43. Thông tư số 03/2013/TT-BVHTTDL ngày 28/01/2013 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, thi người đẹp và người mẫu, lưu hành kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu | Quy định mẫu nhãn kiểm soát dán trên băng đĩa | Địa phương phản ánh mẫu nhãn do Sở VHTTDL cấp chứa đựng quá nhiều thông tin trên một nhãn kiểm soát nên rất khó thể hiện các thông tin | |
| | 44. TTLT số 149/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 07/11/2011 hướng dẫn chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao | Chế độ dinh dưỡng hiện nay quy định "tùy tình hình địa phương" | Không phù hợp với địa phương, cần quy định mức sàn để các địa phương có căn cứ thực hiện | |
| Tổng | Tổng số văn bản không đảm bảo tính khả thi là: 44 văn bản | | | |